

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS  
(TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG)**

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG)**

Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**MỤC LỤC**

|   | <b><u>TRANG</u></b> |
|---|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ                   | 2                   |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP                       | 3 - 4               |
| BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH                 | 5 - 12              |
| BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH | 13 - 16             |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG)**

Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán AIS (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Dương (sau gọi tắt “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ**

Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

| <u>Họ và tên</u>                | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm</u> | <u>Ngày miễn nhiệm</u> |
|---------------------------------|----------------|----------------------|------------------------|
| <b><u>Hội đồng quản trị</u></b> |                |                      |                        |
| Ông Phan Trường Sơn             | Chủ tịch       | 19/5/2009            | 28/12/2018             |
| Ông Nguyễn Thanh Phong          | Thành viên     | 19/5/2009            | 15/5/2018              |
| Ông Phan Mạnh Đồng              | Thành viên     | 28/12/2010           | 15/5/2018              |
| Ông Phan Tiến Đức               | Thành viên     | 15/5/2018            | 28/12/2018             |
| Bà Phạm Thị Hải                 | Thành viên     | 15/5/2018            | 28/12/2018             |
| Bà Nguyễn Ngô Thị Thu Phương    | Chủ tịch       | 28/12/2018           |                        |
| Ông Trần Tiến Thăng             | Thành viên     | 28/12/2018           |                        |
| Bà Vũ Phương Liên               | Thành viên     | 28/12/2018           |                        |
| <b><u>Tổng Giám đốc</u></b>     |                |                      |                        |
| Ông Phan Trường Sơn             | Tổng Giám đốc  | 19/5/2009            | 07/3/2019              |
| Ông Trần Tiến Thăng             | Tổng Giám đốc  | 07/3/2019            |                        |
| <b><u>Ban kiểm soát</u></b>     |                |                      |                        |
| Bà Trần Thị Lệ Thùy             | Trưởng ban     | 28/12/2018           |                        |
| Bà Trần Hà Anh                  | Thành viên     | 28/12/2018           |                        |

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và đảm bảo rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình vốn khả dụng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

**NGUYỄN NGÔ THỊ THU PHƯƠNG - Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Thành phố Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2020



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Chứng khoán AIS (trước đây Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Dương), được lập ngày 14 tháng 03 năm 2020 từ trang 5 đến trang 16 kèm theo.

### Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tỷ lệ an toàn tài chính (tỷ lệ vốn khả dụng) của Công ty Cổ phần Chứng khoán AIS (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Dương) tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Báo cáo kiểm toán này được phát hành để thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 0121/2019/BCTLATTC- ngày 25 tháng 3 năm 2019 do Công ty đánh giá lại nhu cầu sử dụng phần mềm giao dịch chứng khoán cho mục đích kinh doanh. Công ty đã quyết định trình bày lại một số khoản mục có liên quan và phát hành lại Báo cáo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Vấn đề này không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán của Chúng tôi trong Báo cáo kiểm toán phát hành lại này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2020



**NGUYỄN THỊ THOM - Phó Tổng Giám đốc**  
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0787-2018-037-1

**LÊ THỊ BÍCH NGỌC - Kiểm toán viên**  
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1817-2018-037-1

### Nơi nhận:

- Như trên
- Lru Vietland



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS  
(TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG  
KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số công văn: 71/2020/CV-AIS

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2020

## **BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập Báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.



**NGUYỄN NGÔ THỊ THU PHƯƠNG**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**PHẠM THỊ VÂN**

Trưởng phòng kế toán

**LÊ BÍCH THỰC**

Trưởng Phòng kiểm soát nội bộ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG)**

Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

| TT | Các chỉ tiêu                   | Chi tiết | Giá trị rủi ro<br>/Vốn khả dụng |
|----|--------------------------------|----------|---------------------------------|
| 1. | Tổng giá trị rủi ro thị trường | PHẦN IIA | 3.699.941                       |
| 2. | Tổng giá trị rủi ro thanh toán | PHẦN IIB | 214.473.288                     |
| 3. | Tổng giá trị rủi ro hoạt động  | PHẦN IIC | 10.000.000.000                  |
| 4. | Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)  | PHẦN II  | 10.218.173.229                  |
| 5. | Vốn khả dụng                   | PHẦN I   | 104.480.823.675                 |
| 6. | Tỷ lệ vốn khả dụng (6=5/4)     |          | 1022,50%                        |

Thành phố Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2020



**NGUYỄN NGÔ THỊ THU PHƯƠNG**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

  
**PHẠM THỊ VÂN**  
Trưởng phòng kế toán

  
**PHẠM THỊ VÂN**  
Người lập biểu



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG)**

Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

**PHẦN I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG**

Đơn vị tính: VND

| TT  | Nội dung  | Vốn khả dụng     |                |                        |
|-----|---|------------------|----------------|------------------------|
|     |   | Vốn khả dụng     | Khoản giảm trừ | Khoản tăng thêm        |
| A.  | Vốn Chủ sở hữu  | (1)              | (2)            | (3)                    |
| 1.  | Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)   | 155.000.000.000  |                |                        |
| 2.  | Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)   | -                |                |                        |
| 3.  | Cổ phiếu quỹ  |                  |                |                        |
| 4.  | Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn   |                  |                |                        |
| 5.  | Vốn khác của chủ sở hữu   |                  |                |                        |
| 6.  | Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý   |                  |                |                        |
| 7.  | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ  |                  |                |                        |
| 8.  | Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ  | -                |                |                        |
| 9.  | Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu   |                  |                |                        |
| 10. | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối   | (45.900.368.084) |                |                        |
| 11. | Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản   | 6.594.576        |                |                        |
| 12. | Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định   |                  |                |                        |
| 13. | Chênh lệch tỷ giá hối đoái  |                  |                |                        |
| 14. | Các khoản nợ có thể chuyển đổi  |                  |                |                        |
| 15. | Toàn phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính                                    |                  | (6.594.576)    | 18.301.659             |
| 16. | Vốn khác (nếu có)   |                  |                |                        |
| 1A  | <b>Tổng</b>   |                  |                | <b>109.117.933.575</b> |
| B.  | Tài sản ngắn hạn  |                  |                |                        |
| I.  | Tài sản tài chính   |                  |                |                        |
| 1.  | Tiền và các khoản tương đương tiền  |                  | -              |                        |
| 2.  | Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)   |                  |                |                        |
|     | - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường   |                  |                |                        |
|     | - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng   |                  |                |                        |
| 3.  | Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)   |                  |                |                        |
|     | - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường   |                  |                |                        |
|     | - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng   |                  |                |                        |
| 4.  | Các khoản cho vay   |                  |                |                        |
| 5.  | Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)   |                  |                |                        |
|     | - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường   |                  |                |                        |
|     | - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng   |                  |                |                        |
| 6.  | Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp   |                  |                |                        |
| 7.  | Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính, Phải thu và dự thu cổ tức, Tiền lãi từ các tài sản tài chính) |                  |                |                        |
|     | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống  |                  |                |                        |
|     | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày  |                  |                |                        |
| 8.  | Chứng quyền có bảo đảm, chưa phát hành hết  |                  | -              |                        |
| 9.  | Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm                             |                  |                |                        |
| 10. | Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp   |                  |                |                        |
|     | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống  |                  |                |                        |
|     | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày  |                  |                |                        |
| 11. | Phải thu nội bộ   |                  | -              |                        |
|     | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống  |                  |                |                        |
|     | - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày  |                  |                |                        |
| 12. | Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán   |                  |                |                        |
|     | + Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống  |                  |                |                        |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG)**

Tầng 10, Tòa nhà Horizon Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

|   |  |  |               |                        |
|---|--|--|---------------|------------------------|
|   | + Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày   |  |               |                        |
| 13.                                     | Các khoản phải thu khác  |  |               |                        |
|   | + Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống   |  |               |                        |
|   | + Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày   |  |               |                        |
| 14.                                     | Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu   |  |               |                        |
| <b>II.</b>                              | <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>   |  |               |                        |
| 1.                                      | Tạm ứng  |  | -             |                        |
|   | Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống  |  |               |                        |
|   | Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày  |  | -             |                        |
| 2.                                      | Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ  |  |               |                        |
| 3.                                      | Chi phí trả trước ngắn hạn   |  |               |                        |
| 4.                                      | Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn   |  | -             |                        |
| 5.                                      | Thuế GTGT được khấu trừ  |  |               |                        |
| 6.                                      | Thuế và các khoản phải thu nhà nước  |  |               |                        |
| 7.                                      | Tài sản ngắn hạn khác  |  |               |                        |
| 8.                                      | Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác  |  |               |                        |
| <b>1B</b>                               | <b>Tổng</b>  |  |               |                        |
| <b>C</b>                                | <b>Tài sản dài hạn</b>   |  | -             |                        |
| <b>I</b>                                | <b>Tài sản tài chính dài hạn</b>   |  |               |                        |
| 1.                                      | Các khoản phải thu dài hạn   |  |               |                        |
| 2.                                      | Các khoản đầu tư   |  |               |                        |
| 2.1                                     | Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)  |  |               |                        |
|   | - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường  |  |               |                        |
|   | - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng  |  |               |                        |
| 2.2                                     | Đầu tư vào công ty con   |  |               |                        |
| 2.3                                     | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết  |  |               |                        |
| 2.4                                     | Đầu tư dài hạn khác  |  |               |                        |
| <b>II</b>                               | <b>Tài sản cố định</b>   |  |               |                        |
| <b>III</b>                              | <b>Bất động sản đầu tư</b>   |  | -             |                        |
| <b>IV</b>                               | <b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>   |  |               |                        |
| <b>V</b>                                | <b>Tài sản dài hạn khác</b>  |  | 4.637.109.900 |                        |
| 1.                                      | Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn  |  | -             |                        |
| 2.                                      | Chi phí trả trước dài hạn  |  |               |                        |
| 3.                                      | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại   |  |               |                        |
| 4.                                      | Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán   |  |               |                        |
| 5.                                      | Tài sản dài hạn khác   |  |               |                        |
| <b>VI.</b>                              | <b>Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>   |  |               |                        |
|   | Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5 |  |               |                        |
| <b>1C</b>                               | <b>Tổng</b>  |  |               |                        |
| <b>D</b>                                | <b>Các khoản ký quỹ, đảm bảo</b>   |  | 4.637.109.900 |                        |
| 1.                                      | Giá trị ký quỹ   |  |               |                        |
| 1.1                                     | Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)   |  |               |                        |
| 1.2                                     | Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)  |  |               |                        |
| 1.3                                     | Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm   |  |               |                        |
| 2.                                      | Giá trị tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày   |  |               |                        |
| <b>1D</b>                               | <b>Tổng</b>  |  |               |                        |
| <b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C - 1D</b> |  |  | -             |                        |
|   |  |  |               | <b>104.480.823.675</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG)**

Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

**PHẦN II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

Đơn vị tính: VND

**PHẦN IIA. RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

| Các hạn mục đầu tư   |  | Hệ số rủi ro | Quy mô rủi ro          | Giá trị rủi ro   |
|--|--|--------------|------------------------|------------------|
|  |  | (1)          | (2)                    | (3) = (1) x (2)  |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b> |  |              | <b>100.871.597.850</b> | <b>-</b>         |
| 1.   | Tiền mặt (VND)   | 0%           | 2.393.344.426          | -                |
| 2.   | Các khoản tương đương tiền   | 0%           |                        | -                |
| 3.   | Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi  | 0%           | 98.478.253.424         | -                |
| <b>II. Trái phiếu chính phủ</b>  |  |              |                        | <b>-</b>         |
| 4.   | Trái phiếu chính phủ không trả lãi   | 0%           |                        | -                |
| 5.   | Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định  |              |                        | -                |
| 5.1  | Trái phiếu chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc ngân hàng trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, AIDB, AFDB, EIB và EBRD | 3%           |                        | -                |
| <b>III. Trái phiếu doanh nghiệp</b>                                      |  |              |                        | <b>-</b>         |
| 6.   | Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi   | 8%           |                        | -                |
|  | Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi   | 10%          |                        | -                |
|  | Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 3 đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi   | 15%          |                        | -                |
|  | Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi   | 20%          |                        | -                |
| 7.   | Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi   | 25%          |                        | -                |
|  | Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi   | 30%          |                        | -                |
|  | Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 3 đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi   | 35%          |                        | -                |
|  | Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi   | 40%          |                        | -                |
| <b>IV. Cổ phiếu</b>  |  |              | <b>32.681.140</b>      | <b>3.699.941</b> |
| 8.   | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM, chứng chỉ quỹ đại chúng mở   | 10%          | 24.044.610             | 2.404.461        |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG)**

Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

|   |  |                      |                      |                       |
|---|--|----------------------|----------------------|-----------------------|
| 9   | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.  | 15%                  | 8.636.530            | 1.295.480             |
| 10  | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom  | 20%                  | -                    | -                     |
| 11  | Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO) | 30%                  | -                    | -                     |
| 12  | Cổ phiếu của Công ty đại chúng khác  | 50%                  | -                    | -                     |
| <b>V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>  |  |                      |                      |                       |
| 13  | Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng   | 10%                  | -                    | -                     |
| 14  | Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ  | 30%                  | -                    | -                     |
| <b>VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>   |  |                      |                      |                       |
| 15  | Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch   | 40%                  | -                    | -                     |
| 16  | Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch   | 50%                  | -                    | -                     |
| <b>VII. Chứng khoán Phát sinh</b>   |  |                      |                      |                       |
| 17.   | Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu   | 8%                   | -                    | -                     |
| 18.   | Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ  | 3%                   | -                    | -                     |
| <b>VIII. Chứng khoán khác</b>   |  |                      |                      |                       |
| 19.   | Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác   | 80%                  | -                    | -                     |
| 20.   | Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn  | 25%                  | -                    | -                     |
| 21.   | Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc chỉ số đạt chuẩn  | 100%                 | -                    | -                     |
| 22.   | Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh  | 8%                   | -                    | -                     |
| 23.   | Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội   | 10%                  | -                    | -                     |
| 24.   | Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành<br>( $Ro = (PoxQoxk - P1xQ1) \times R - MD$ )  |                      |                      |                       |
| 25.   | Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)    |                      |                      |                       |
| 26.   | Phần chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm          |                      |                      |                       |
| <b>IX. Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)</b> |  |                      |                      |                       |
|   | <b>Mã chứng khoán</b>  | <b>Mức tăng thêm</b> | <b>Quy mô rủi ro</b> | <b>Giá trị rủi ro</b> |
| 1.  | ....   |                      | -                    | -                     |
| 2.  | ....   |                      | -                    | -                     |
| <b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THI TRƯỜNG ( A = I + II + III + IV + V + VI + VII + VIII + IX)</b>                             |  |                      |                      | <b>3.699.941</b>      |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG)**

Tầng 10, Tòa nhà Horizon Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

**PHẦN IIB. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN**

| PHÂN LOẠI GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN                                  |   |                |      |               |      |                |                |                         |
|--|---|----------------|------|---------------|------|----------------|----------------|-------------------------|
| TT   | Chỉ tiêu  |                |      |               |      |                | Giá trị rủi ro |                         |
| I.   | Rủi ro trước thời hạn thanh toán  |                |      |               |      |                | 214.473.288    |                         |
| II.  | Rủi ro quá thời hạn thanh toán  |                |      |               |      |                | -              |                         |
| III.   | Rủi ro tăng thêm  |                |      |               |      |                | -              |                         |
| Tổng giá trị rủi ro thanh toán                                       |   |                |      |               |      |                | 214.473.288    |                         |
| I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán                                  |   |                |      |               |      |                |                |                         |
|  | Loại hình giao dịch   | Giá trị rủi ro |      |               |      |                |                | Tổng giá trị rủi ro     |
|  |   | 0,0%           | 0,8% | 3,2%          | 4,8% | 6,0%           | 8,0%           |                         |
|  |   | (1)            | (2)  | (3)           | (4)  | (5)            | (6)            |                         |
| 1.   | Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác                  | -              | -    | -             | -    | 214.473.288    | -              | 214.473.288             |
| 2.   | Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất   | -              | -    | -             | -    | -              | -              | -                       |
| 3.   | Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất   | -              | -    | -             | -    | -              | -              | -                       |
| 4.   | Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất   | -              | -    | -             | -    | -              | -              | -                       |
| 5.   | Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất   | -              | -    | -             | -    | -              | -              | -                       |
| TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN                                |   |                |      |               |      |                |                | 214.473.288             |
| Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được xác định như sau: |   |                |      |               |      |                |                |                         |
| Đối tác thanh toán cho Công ty                                       |   |                |      |               |      |                |                | Hệ số rủi ro thanh toán |
| (1)  | Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  |                |      |               |      |                | 0%             |                         |
| (2)  | Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán  |                |      |               |      |                | 0,80%          |                         |
| (3)  | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán   |                |      |               |      |                | 3,20%          |                         |
| (4)  | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty |                |      |               |      |                | 4,80%          |                         |
| (5)  | Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam   |                |      |               |      |                | 6%             |                         |
| (6)  | Các tổ chức, cá nhân khác   |                |      |               |      |                | 8%             |                         |
| II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán                                   |   |                |      |               |      |                |                |                         |
|  | Thời gian quá hạn   | Hệ số rủi ro   |      | Quy mô rủi ro |      | Giá trị rủi ro |                |                         |
| 1.   | 0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán  | 16%            |      | -             |      | -              |                |                         |
| 2.   | 16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán   | 32%            |      | -             |      | -              |                |                         |
| 3.   | 31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán   | 48%            |      | -             |      | -              |                |                         |
| 4.   | Từ 60 ngày trở lên  | 100%           |      | -             |      | -              |                |                         |
| TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN                                  |   |                |      |               |      |                |                | -                       |
| III. Rủi ro tăng thêm  |   |                |      |               |      |                |                |                         |
|  | Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác   | Mức tăng thêm  |      | Quy mô rủi ro |      | Giá trị rủi ro |                |                         |
|  |   | 10%            |      | -             |      | -              |                |                         |
| TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM  |   |                |      |               |      |                |                | -                       |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG)**

Tầng 10, Tòa nhà Horizon Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

**PHẦN IIC. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG**

| TT   | Nội dung   | Giá trị               |
|------|--|-----------------------|
| I.   | <b>Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng</b>  | <b>771.098.804</b>    |
|      | <b>Các khoản giảm trừ tổng chi phí</b>   | <b>397.230.667</b>    |
|      | 1. Chi phí khấu hao  | 388.934.987           |
| II.  | 2. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp ngắn hạn | 8.295.680             |
|      | 3. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn                      | -                     |
|      | 4. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu                                 | -                     |
|      | 5. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác                              | -                     |
|      | 6. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn                                    | -                     |
| III. | <b>Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)</b>  | <b>373.868.137</b>    |
| IV.  | <b>25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)</b>  | <b>93.467.034</b>     |
| V.   | <b>20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán</b>  | <b>10.000.000.000</b> |
|      | <b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (MAX{IV,V})</b>   | <b>10.000.000.000</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG)

Tầng 10, Tòa nhà Horizon Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

### I. ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán AIS tên giao dịch là AIS Securities Joint Stock Company, trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Dương, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh chứng khoán số 60/UBCK-GP ngày 18 tháng 9 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

*Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp bổ sung các văn bản điều chỉnh bổ sung như sau:*

- Quyết định số 83/UBCK-GPĐCCTCK ngày 19 tháng 10 năm 2007, chuẩn y cho việc thay đổi tên viết tắt của Công ty từ DSI thành DDS;
  - Quyết định số 94/UBCK-GPĐCCTCK ngày 6 tháng 12 năm 2007, chuẩn y cho việc bổ sung địa chỉ trụ sở của Công ty từ số 150 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh thành số 148-150 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;
  - Quyết định số 103/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 7 năm 2012, chuẩn y về việc rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Dương;
  - Quyết định số 02/2012/QĐ-SCDHCM ngày 01 tháng 8 năm 2012, chuẩn y về việc chấm dứt tư cách thành viên giao dịch của Công ty;
  - Quyết định số 268/QĐ-SGDHN ngày 01 tháng 8 năm 2012, chuẩn y về việc chấm dứt tư cách thành viên giao dịch thị trường cổ phiếu niêm yết và tư cách thành viên giao dịch thị trường đăng ký giao dịch (upcom) của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
  - Quyết định số 176/QĐ-VSD ngày 15 tháng 10 năm 2012, chuẩn y về việc thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký chứng khoán;
  - Giấy phép điều chỉnh số 120/GPĐC-UBCK ngày 5 tháng 11 năm 2012, chuẩn y cho việc thay đổi địa chỉ trụ sở của Công ty từ số 148-150 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh sang Tầng 3, số 2B-2C Hồ Xuân Hương, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh;
  - Quyết định số 321/QĐ-UBCK ngày 4 tháng 5 năm 2018, chuẩn y về việc chấp thuận chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông trong Công ty;
  - Giấy phép điều chỉnh số 74/GPĐC-UBCK ngày 6 tháng 9 năm 2018, chuẩn y cho việc điều chỉnh vốn điều lệ lên 155.000.000.000 VND,
  - Quyết định số 1162/ QĐ-UBCK ngày 25 tháng 12 năm 2018, chuẩn y về việc chấp thuận chuyển nhượng cổ phần chiếm 90,22% vốn điều lệ của Công ty.
- **Vốn pháp định** : 50.000.000.000 VND
  - **Vốn điều lệ** : 155.000.000.000 VND

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo*



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG)

Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)**

*Cơ cấu góp vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:*

| Stt         | Tên cổ đông                  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú                               | Số cổ phần        | Giá trị cổ phần (VND)  | Tỷ lệ (%)     |
|-------------|------------------------------|--|-------------------|------------------------|---------------|
| 1           | Bà Nguyễn Ngô Thị Thu Phương | Số 51 ngõ 82 Phạm Ngọc Thạch, Quang Trung Đống Đa, Hà Nội    | 1.526.000         | 15.260.000.000         | 9,85          |
| 2           | Ông Nguyễn Quý Lâm           | Số 61, Tổ 4 Cống Vị Hà Nội                                   | 1.500.000         | 15.000.000.000         | 9,68          |
| 3           | Bà Trần Thị Thu Trang        | B25 khu X4, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Hà Nội           | 1.490.000         | 14.900.000.000         | 9,61          |
| 4           | Ông Trần Tiến Thăng          | Thửa đất 103B tổ 1, Văn Nội, Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội      | 1.516.000         | 15.160.000.000         | 9,78          |
| 5           | Bà Nguyễn Thị Thu Hà         | Số 1608 tòa nhà Rainbow, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội    | 1.398.000         | 13.980.000.000         | 9,02          |
| 6           | Ông Nguyễn Việt Đức          | Số 568 Đê La Thành, Phường Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội         | 1.420.000         | 14.200.000.000         | 9,16          |
| 7           | Bà Nguyễn Thị Duyên          | Tổ 17, Trung Hòa, Hà Nội                                     | 1.450.000         | 14.500.000.000         | 9,35          |
| 8           | Ông Đỗ Duy Tân               | Số LD5/528 Bạch Đằng, phường Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội | 1.480.000         | 14.800.000.000         | 9,55          |
| 9           | Bà Vũ Phương Liên            | Số 196 Lạc Trung, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội             | 1.117.000         | 11.170.000.000         | 7,21          |
| 10          | Bà Giang Thị Hạnh            | Số 20B2, khu TT Quân khu Thủ Đô, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội  | 1.323.000         | 13.230.000.000         | 8,54          |
| 11          | Bà Trần Hà Anh               | Số 1-178 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội                            | 1.280.000         | 12.800.000.000         | 8,26          |
| <b>Cộng</b> |                              |  | <b>15.500.000</b> | <b>155.000.000.000</b> | <b>100,00</b> |

## • Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội  
Điện thoại : (84-024) 35683555  
Fax : (84-024) 32121615  
Mã số thuế : 0305191655

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo*

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG)**

Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)**

**Ngành, nghề kinh doanh :** Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Công ty đã rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán vào đầu năm 2012 và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chuẩn y thông qua Quyết định số 103/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 7 năm 2012.

## **2. Nhân viên**

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 3 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 3 người).

## **II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH VÀ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG**

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 được lập và trình bày phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính. Báo cáo này chỉ được sử dụng để nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được phát hành lại.

## **III. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các Giấy phép điều chỉnh như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 01 năm 2019, chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Ngô Thị Thu Phương, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;
- Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC-UBCK ngày 7 tháng 5 năm 2019, chuẩn y cho việc thay đổi tên Công ty từ “Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Dương” sang “Công ty Cổ phần Chứng khoán AIS”, tên giao dịch là AIS Securities Joint Stock Company và thay đổi địa điểm trụ sở chính từ “Tầng 3, số 2B-2C Hồ Xuân Hương, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh” đến “Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, số 40 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội”;
- Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2019, chuẩn y cho việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Môi giới chứng khoán.
- Giấy phép điều chỉnh số 56/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 9 năm 2019, chuẩn y cho việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Giấy phép điều chỉnh số 69/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 11 năm 2019, chuẩn y cho việc nâng vốn điều lệ từ 155.000.000.000 VND lên 855.000.000.000 VND.

Ngoài các sự kiện trên, Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AIS (TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG)**

Tầng 10, Tòa nhà Horison Tower, Số 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)**

Thành phố Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2020



**NGUYỄN NGÔ THỊ THU PHƯƠNG**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**PHẠM THỊ VÂN**  
Trưởng phòng kế toán

**PHẠM THỊ VÂN**  
Người lập biểu

